

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 52/2023/DS -ST

Ngày: 05-7-2023

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
về góp vốn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **Trần Thị Kim Đồng**.

2/ Ông **Nguyễn Trọng Khôi**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Huỳnh Ngọc Yến** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Ông **Bùi Thành Hiếu** – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 252/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2022, về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp vốn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2023/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị Hoàng Phương Q**, sinh năm 1985.

Địa chỉ cư trú: số 151A (nay là 151B), khóm Tân Quới Đông, phường Trường An, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Lê Văn C**, sinh năm 1956. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: B, đường Đ, phường X, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Là đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 12/8/2022).

- **Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị A**, sinh năm 1958 – Đại diện Hộ kinh doanh Nguyễn Thị A. (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ.

Nơi cư trú: 1/ số A, đường N, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ.

2/ ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 09/8/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoàng Phương Q trình bày:

Vào ngày 06/10/2017 giữa chị với Hộ kinh doanh Nguyễn Thị A có ký hợp đồng góp vốn. Mục đích góp vốn để xây dựng bến đò khách ngang sông, phía bờ Hậu Giang tại đường dẫn số 3 khu công nghiệp Nam Sông Hậu, phía bờ Vĩnh Long tại phần đất của ông Nguyễn Văn Lãnh, tọa lạc ấp Phú Lợi, xã Phú Thành, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Tổng giá trị chị góp vốn là 400.000.000đ, việc giao nhận tiền có các bên thừa nhận đã giao nhận tiền ngày 01/10/2017. Thời hạn góp vốn là 15 năm, bắt đầu từ ngày 01/10/2017 đến ngày 01/10/2032. Khi kết thúc hợp đồng các bên cùng định giá lại tài sản chia theo tỷ lệ góp vốn ban đầu.

Thỏa thuận chung:

- Khi bến đò hoạt động trong tháng 30 ngày thì chị thu tiền liên tục trong 02 ngày trong tháng của 02 bên Hậu Giang và Trà Ôn.

- Mọi chi phí phát sinh kể từ ngày đò hoạt động thì hai bên chia theo tỷ lệ số ngày thu trên tháng. Từ khi bến đò bắt đầu hoạt động mọi chi phí cho hoạt động của bến đò hai bên phải chịu theo tỷ lệ số ngày thu tiền trên tháng. Nếu địa phương có yêu cầu đóng góp (lộ, cầu,...) thì hai bên phải chịu theo tỷ lệ số ngày thu tiền trên tháng.

- Chị chịu trách nhiệm điều hành, quản lý nhân sự và giao tiếp có liên quan đến hoạt động bến đò, số tiền tính vào chi phí phát sinh.

- Trong quá trình kinh doanh nếu bến đò có thay đổi nhân sự, hình thức quản lý hoặc nâng cấp, mở rộng quy mô kinh doanh thì thông báo cho nhau giữa hai bên. Trường hợp cần bổ sung vốn để nâng cấp, mở rộng kinh doanh thì hai bên phải lập phụ lục hợp đồng bổ sung vốn.

- Phương thức giải quyết tranh chấp cùng nhau thương lượng, không thương lượng được thì đưa ra Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

Cam kết chung:

- Ngày ký hợp đồng chị sẽ tạm ứng cho Hộ kinh doanh bà A 200.000.000đ, tài sản góp vốn của hai bên là tài sản riêng không tranh chấp, thực hiện đầy đủ và đúng theo hợp đồng ký kết. Nếu chị có nhu cầu sử dụng lại nguồn vốn đã góp trước thời hạn thì phải báo trước cho Hộ kinh doanh bà A 30 ngày nhưng thời hạn góp vốn phải từ 05 năm trở lên, giá trị góp vốn theo thời điểm hiện tại.

- Kể từ ngày nhận tiền tạm ứng của chị thì sau 45 ngày đồ đưa vào hoạt động, nếu vi phạm thì Hộ kinh doanh bà A bồi thường lại cho chị số tiền gấp 02 lần số tiền chị tạm ứng trước.

- Nếu bên chị có nhu cầu rút vốn thì bên Hộ kinh doanh bà A trả lại cho chị trong vòng 30 ngày.

Ngoài ra còn cam kết chung về quyền và lợi ích hợp pháp của hai bên, mọi sửa đổi, bổ sung hợp đồng phải lập thành văn bản và có công chứng, chứng thực tại Văn phòng công chứng Tạ Thị Thật mới có giá trị. Hợp đồng góp vốn được công chứng tại Văn phòng công chứng Tạ Thị Thật ngày 06/10/2017, số công chứng 06007, quyền số 3.

Phần thực hiện hợp đồng góp vốn: Chị đã giao đủ số tiền góp vốn 400.000.000đ cho Hộ kinh doanh bà A, bên đồ hoạt động được một thời gian thì ngưng hoạt động quá lâu làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của chị, nên chị yêu cầu rút vốn. Ngày 13/3/2021 Hộ kinh doanh bà A cam kết trả vốn góp cho chị vào ngày 01/7/2021, nếu Hộ kinh doanh bà A thực hiện không đúng thời hạn trả vốn thì phải bồi thường cho chị gấp đôi tức là 800.000.000đ.

Khi đến hạn, chị có yêu cầu Hộ kinh doanh bà A trả chị số tiền 800.000.000đ nhưng Hộ kinh doanh bà A xin gia hạn bằng lời nói là 03 tháng, tức đến ngày 01/10/2021. Đến hạn nhưng Hộ kinh doanh bà A không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho chị. Hiện tại bên đồ đã hoạt động lại bình thường khoảng 04 tháng nay.

Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Hộ kinh doanh bà A có nghĩa vụ trả chị số tiền góp vốn kinh doanh là 400.000.000đ và tiền bồi thường theo cam kết trong hợp đồng 400.000.000đ. Tổng cộng 800.000.000đ (*Tám trăm triệu đồng*) và không yêu cầu tính lãi từ ngày 01/10/2021 đến nay.

Tại văn bản ngày 16/3/2023 (Biên bản lấy lời khai, Biên bản hoà giải) và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị A trình bày: Bà thừa nhận có ký kết hợp đồng góp vốn với chị Q vào ngày 06/10/2017, mục đích để mở bến đồ ngang sông trên tuyến Sông Hậu, bà có nhận số tiền góp vốn 400.000.000đ của chị Q nhưng thông qua ông Ba Nghĩa và ông Hùng. Chị Q cũng có thu lợi nhuận từ bến đồ được khoảng 02 năm thì đồ ngưng hoạt động. Bà thừa nhận có ký tên vào tờ cam kết ngày 13/3/2021. Nay theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà đồng ý trả số tiền góp vốn 400.000.000đ nhưng cho bà thời gian để tìm người mua lại ngày góp vốn. Đối với số tiền bồi thường theo cam kết 400.000.000đ thì bà không đồng ý. Bà đề nghị đưa ông Ba Nghĩa, ông Hùng vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Các chứng cứ mà các bên giao nộp đã được tiếp cận, công khai chứng cứ. Các bên không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Về trình tự, thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã tuân thủ theo đúng các quy định của

Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 504, 505, 510 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoàng Phương Q. Buộc bà Nguyễn Thị A có trách nhiệm trả lại cho bà Q số tiền góp vốn là 400.000.000đ và tiền bồi thường theo cam kết là 400.000.000đ. Tổng cộng chung là 800.000.000đ (*Tám trăm triệu đồng*).

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoàng Phương Q khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị A có hộ khẩu ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ, tạm trú địa chỉ ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long trả lại số tiền góp vốn và bồi thường thiệt hại theo cam kết. Bị đơn bà A thống nhất lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn giải quyết. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp vốn”, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[1.2] Bị đơn bà Nguyễn Thị A được triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do mà không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn cho rằng vào ngày 06/10/2017 giữa nguyên đơn và bị đơn bà Nguyễn Thị A có ký kết hợp đồng góp vốn. Thỏa thuận cụ thể các điều khoản hợp đồng. Theo thỏa thuận thì chị Q có góp vốn vào số tiền 400.000.000đ để xây dựng bên đò khách ngang sông, có thỏa thuận thời hạn góp vốn, rút vốn

và các điều khoản khác theo quy định. Do nhu cầu sử dụng vốn nên chị Q có đề nghị rút vốn và được bà A đồng ý và làm Tờ cam kết hoàn trả tiền vốn góp vào ngày 13/3/2021 hứa đến ngày 01/7/2021 sẽ hoàn đủ vốn 400.000.000đ cho chị Q, nếu không thực hiện sẽ chịu trách nhiệm bồi thường gấp đôi số tiền vốn góp cho chị Q là 800.000.000đ. Phía bà A cũng thừa nhận đã nhận đủ số tiền góp vốn từ chị Q là 400.000.000đ và có làm Tờ cam kết hoàn vốn và bồi thường thiệt hại nếu vi phạm theo cam kết. Nên sự việc góp vốn và cam kết bồi thường giữa nguyên đơn, bị đơn là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nên hợp đồng góp vốn và cam kết bồi thường là sự việc có thật phù hợp quy định tại Điều 385, 504, 505, 510 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2] Xét quá trình thực hiện hợp đồng nguyên đơn đã góp đủ số tiền 400.000.000đ, khi có nhu cầu rút vốn, nguyên đơn có thông báo cho bà A và được bà A đồng ý và ký cam kết thực hiện. Từ khi ký cam kết thực hiện hợp đồng đến nay đến nay bị đơn vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn. Nguyên đơn đã đến đòi nhiều lần nhưng bị đơn không trả là vi phạm nghĩa vụ được quy định tại Điều 510 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó việc nguyên đơn chị Q yêu cầu bị đơn bà A phải có nghĩa vụ trả số tiền vốn góp và bồi thường thiệt hại do vi phạm cam kết tổng số tiền 800.000.000đ và không yêu cầu trả lãi là có căn cứ phù hợp theo quy định tại các Điều 504, 505, 510 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận. Nên Hội đồng xét xử xét buộc bị đơn bà A có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn chị Q số tiền góp vốn và tiền bồi thường thiệt hại do vi phạm cam kết tổng cộng là 800.000.000đ (*Tám trăm triệu đồng*).

[2.3] Xét việc bà A không đồng ý bồi thường thiệt hại cho chị Q số tiền 400.000.000đ do vi phạm cam kết với lý do bà góp vốn chung với ông Ba Nghĩa, ông Hùng và bà yêu cầu đưa ông Ba Nghĩa, ông Hùng vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ: Theo Hợp đồng góp vốn được ký kết ngày 06/10/2017 chỉ có chị Q chứ không có ông Nghĩa, ông Hùng và ngoài lời trình bày thì bà A không có chứng cứ gì để chứng minh có góp vốn với ông Ba Nghĩa, ông Hùng.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 5, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên xét bà A thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà A theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn không phải chịu án phí nên hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 18.000.000đ (*Mười tám triệu đồng*) theo biên lai thu số

0014844 ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

[2.5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ so với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 385, 504, 505, 510 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoàng Phương Q.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị A có nghĩa vụ trả nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoàng Phương Q số tiền góp vốn và bồi thường thiệt hại do vi phạm cam kết tổng cộng là 800.000.000đ (*Tám trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị A do thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí.

2.2. Hoàn trả chị Nguyễn Thị Hoàng Phương Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp 18.000.000đ (*Mười tám triệu đồng*) theo biên lai thu số 0014844 ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- Chi cục THADS huyện Trà Ôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thúy An